TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2018
Về việc "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy; Bà Nguyễn Thị Liệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2017/ TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị DƯƠNG THỊ THANH T** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: số nhà 01, khu 5, ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* **Anh HỒ NGỌC THANH P** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: số nhà 01, khu 5, ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đ.

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2017, bản tự khai ngày 14/12/2017 cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Hồ Ngọc Thanh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2003.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống nhà cha mẹ anh P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm nhưng không có con và anh P cũng bắt đầu thay đổi tính nết, thường tụ tập bạn bè ăn nhậu. Chị góp ý khuyên ngăn thì anh P không nghe mà còn có lời lẽ xúc phạm chị và cha mẹ chị, đánh chị làm cho tinh thần chị hoảng loạn, suy sụp. Chị cố gắng chịu đựng và nhờ gia đình hai bên can thiệp nhưng anh P không thay đổi và ngày càng hành hung chị thường xuyên hơn. Đến ngày 10/10/2017, anh P đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh P đến nay. Trong thời gian ly thân thì anh P không còn quan tâm chị mà còn đề nghị chị ly hôn. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Ngọc Thanh P.

Chị và anh có 01 con tên là Hồ Dương Thanh T - sinh ngày 08/02/2014; cháu T đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị tự nguyện giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh P tự thỏa thuận về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hồ Ngọc Thanh P có lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2017 như sau:

Anh đồng ý với trình bày của chị T về quá trình kết hôn và con chung. Tuy nhiên, vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn mà vào khoảng tháng 9/2017, anh có nặng lời với chị T nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột ở. Anh có xuống đón chị T về nhưng chị T không chịu về, anh điện thoại liên lạc kêu chị quay về nhưng không có kết quả. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho cả hai được ổn định cuộc sống.

Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Dương Thanh T - sinh ngày 08/02/2014 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T. Anh và chị T tự thỏa thuận về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Dương Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Q có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị T và anh P đã thật sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con tên là Hồ Dương Thanh T- sinh ngày 08/02/2014; do cả chị T và anh P đều thống nhất khi ly hôn anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T cấp

dưỡng nuôi cháu T nên đề nghị ghi nhận thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hồ Ngọc Thanh P cư trú tại khu 5 ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đ nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Chị Dương Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Ngọc Thanh P nên quan hệ pháp luật được xác định là "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn là chị Dương Thị Thanh T với bị đơn là anh Hồ Ngọc Thanh P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Hồ Ngọc Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thanh T và anh Hồ Ngọc Thanh P tự nguyện kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh Hồ Ngọc Thanh P có hành vi bạo hành với chị T và từ tháng 10 năm 2017 vợ chồng chị T và anh P đã sống ly thân cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P không tham gia và còn có lời khai đồng ý ly hôn để anh và chị T ổn định cuộc sống; điều này thể hiện anh P không còn mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh P thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Hồ Ngọc Thanh P.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh P thống nhất khi ly hôn thì cháu Hồ Dương Thanh T - sinh ngày 08/02/2014 sẽ do anh P trực tiếp nuôi

dưỡng. Xét thấy, thỏa thuận giữa các đương sự không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung chị T, anh P có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí hôn nhân & gia đình là 300.000đ: Chị Dương Thị Thanh T phải chịu. Chị T đã nộp 300.000đ (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 004557 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q) nên chuyển thu đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Do chị T có mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh P vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 207, 220, khoản 3 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, 21, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Dương Thị Thanh T và bị đơn anh Hồ Ngọc Thanh P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Dương Thanh T - sinh ngày 08/02/2014 cho anh Hồ Ngọc Thanh P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh P không yêu cầu.

Chị T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung chị T, anh P có quyền xin thay đổi việc nuôi con và

cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Chị Dương Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (theo biên lai số 004515 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q) được chuyển thu án phí.

Chị Dương Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hồ Ngọc Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Xuân Hòa